

# Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại các tập đoàn kinh tế

Nguyễn Anh Tuấn\*

**T**heo cách hiểu thông thường, hiệu quả kinh doanh biểu hiện mối tương quan giữa chi phí đầu vào và kết quả nhận được ở đầu ra của một quá trình. Nếu gọi  $H$  là hiệu quả kinh doanh:

Kết quả đầu ra

Kết quả đầu ra Hiệu quả kinh doanh ( $H$ ) =

Chi phí đầu vào

Công thức này thể hiện hiệu quả của việc bỏ ra một số vốn để thu được kết quả cao hơn tức là đã có một sự xuất hiện của giá trị gia tăng với điều kiện  $H > 1$ ,  $H$  càng lớn càng chứng tỏ quá trình đạt hiệu quả càng cao. Để tăng hiệu quả ( $H$ ), chúng ta có thể sử dụng những biện pháp như: giảm đầu vào, đầu ra không đổi; hoặc giữ đầu vào không đổi, tăng đầu ra; hoặc giảm đầu vào, tăng đầu ra...

Chúng ta có thể cải tiến quản lý điều hành nhằm sử dụng hợp lý hơn các nguồn lực, giảm tổn thất, để tăng cường giá trị đầu ra. Nhưng nếu quá trình sản xuất, kinh doanh đã hợp lý thì việc áp dụng các biện pháp trên sẽ bất hợp lý. Bởi ta không thể giảm đầu vào mà không làm giảm giá trị đầu ra và ngược lại. Thậm chí trong thực tế, ngay cả khi quá trình sản xuất, kinh doanh của chúng ta là còn

bất hợp lý nhưng khi chúng ta áp dụng những biện pháp trên có thể làm cho hiệu quả giảm xuống. Chính vì vậy, để có được một hiệu quả không ngừng tăng lên đòi hỏi chúng ta chẳng những không giảm mà còn phải tăng chất lượng đầu vào lên. Với nguyên vật liệu tốt hơn, lao động có tay nghề cao hơn, máy móc công nghệ hiện đại hơn, ta sẽ giảm đi lượng hao phí nguyên vật liệu, hao phí lao động, hao phí năng lượng, thiết bị trên từng đơn vị sản phẩm, phế phẩm giảm đó là điều kiện để có những sản phẩm với số lượng, chất lượng cao, giá thành hạ. Như vậy để tăng hiệu quả kinh doanh chỉ có con đường duy nhất là không ngừng đầu tư vào công nghệ, nguồn nhân lực, quản lý,... Qua đó giá trị đầu ra ngày càng tăng, đồng thời càng nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của DN trên thương trường.

Như vậy, từ sự phân tích trên: hiệu quả kinh doanh là một phạm trù kinh tế, nó phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sẵn có của DN để hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Hiệu quả phải gắn liền với việc thực hiện những mục tiêu của DN và được thể hiện qua công thức sau:

Mục tiêu hoàn thành

Hiệu quả kinh doanh ( $H$ ) =

Nguồn lực được sử dụng một cách thông minh

Với quan niệm trên, hiệu quả kinh doanh không chỉ là sự so sánh giữa chi phí cho đầu vào và kết quả nhận được ở đầu ra; hiệu quả kinh doanh được hiểu trước tiên là việc hoàn thành mục tiêu, nếu không đạt được mục tiêu thì không thể có hiệu quả và để hoàn thành mục tiêu ta cần phải sử dụng nguồn lực như thế nào? Điều này thể hiện một quan điểm mới là không phải lúc nào để đạt hiệu quả cũng là giảm chi phí mà là sử dụng những chi phí như thế nào, có những chi phí không cần thiết ta phải giảm đi, nhưng lại có những chi phí ta cần phải tăng lên vì chính việc tăng chi phí này sẽ giúp cho DN hoàn thành mục tiêu tốt hơn, giúp cho DN ngày càng giữ được vị trí trên thương trường.

Muốn đạt hiệu quả kinh doanh, DN không những chỉ có những biện pháp sử dụng nguồn lực bên trong hiệu quả mà còn phải thường xuyên phân tích sự biến động của môi trường kinh doanh của DN, qua đó phát hiện và tìm kiếm các cơ hội trong kinh doanh của mình. Có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN trong nền kinh tế thị trường là:

\* Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



**Một là,** quan tâm tới việc xây dựng và phát triển đội ngũ lao động của DN. Hiệu quả của mỗi quốc gia, ngành và DN phụ thuộc lớn vào trình độ văn hoá, chuyên môn, tay nghề, kỹ năng, năng lực của đội ngũ lao động. Muốn vậy phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, kích thích tinh thần sáng tạo và tích cực trong công việc bằng các hình thức khuyến khích vật chất và tinh thần.

**Hai là,** nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng vốn trong DN. Việc đảm bảo đầy đủ, kịp thời và sử dụng có hiệu quả vốn sẽ là nhân tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của DN. Vì vậy, DN cần phải có kế hoạch sử dụng hiệu quả và phải có những biện pháp phòng chống những rủi ro; phải xác định cơ cấu vốn hợp lý, chặt chẽ thích ứng với quy mô DN, tránh không lạm dụng vốn vay quá mức, đặc biệt là vốn ngắn hạn...

**Ba là,** nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý DN. Xây dựng tốt mối quan hệ giữa người quản lý và người lao động, luôn tôn trọng và khuyến khích tính tự chủ sáng tạo của lực lượng lao động tạo ra sức mạnh tổng hợp phát huy hiệu quả của các yếu tố sản xuất, đặc biệt là yếu tố con người. Cần tăng cường chuyên môn hoá, kết hợp đa dạng hoá cùng với những phương án quy mô hợp lý cho phép khai thác tối đa lợi thế quy mô giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Việc

tổ chức, phối hợp với các hoạt động kinh tế thông qua các hình thức tổ chức liên doanh, liên kết nhằm phát huy sức mạnh chung, tăng khả năng cạnh tranh và tiêu thụ trên thị trường là một trong các biện pháp tăng hiệu quả kinh doanh.

**Bốn là,** xây dựng hệ thống trao đổi và xử lý thông tin trong DN. Lợi thế cạnh tranh của DN phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống trao đổi và xử lý thông tin. Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Điều này đòi hỏi cần phải hiện đại hoá hệ thống trao đổi và xử lý thông tin phục vụ không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**Năm là,** vận dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vận dụng vào sản xuất, kinh doanh. Các DN để khẳng định vị trí trên thương trường, để đạt hiệu quả kinh doanh, để giảm thiểu chi phí, sản lượng cao đồng thời để thị trường chấp nhận sản phẩm, đòi hỏi sản phẩm phải đạt được các tiêu chuẩn, đạt chất lượng sản phẩm. Muốn vậy, cần tiếp cận với khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vận dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, phải không ngừng cải tiến, đầu tư công nghệ để giúp DN hoạt động hiệu quả hơn.

**Sáu là,** quản trị môi trường. Các khía cạnh thuộc về môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của DN như: cơ chế chính sách của Nhà nước, tình hình kinh tế thế giới, trao đổi

quốc tế, hệ thống chính trị; mối quan hệ song phương giữa các quốc gia; các hiệp định đa phương điều khiển mối quan hệ giữa các nhóm quốc gia; các tổ chức quốc tế... Vì vậy, muốn hoạt động kinh doanh có hiệu quả cần phải quản trị môi trường. Đó là việc thu thập thông tin, dự đoán, ước lượng những thay đổi, bất trắc của môi trường trong và ngoài nước, đưa ra những biện pháp đối phó nhằm giảm bớt những tác động, những tổn thất có thể có do sự thay đổi, bất trắc đó. Thậm chí, nếu dự đoán trước được sự thay đổi môi trường ta có thể tận dụng được những thay đổi này, biến nó thành cơ hội cho việc sản xuất, kinh doanh của DN.

Ở Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngày 27/11/2009, Quốc hội khóa 12 đã ra Nghị quyết số 42/2009/QH12.

Nghị quyết yêu cầu Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng, trong đó có việc tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để điều chỉnh toàn diện, đồng bộ và thống nhất các vấn đề về quản lý, quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật liên quan và sớm trình Quốc hội ban hành Luật Sử dụng vốn và tài



sản nhà nước đầu tư vào kinh doanh. Đồng thời thực hiện triệt để hơn việc tách chức năng thực hiện các quyền chủ sở hữu với chức năng quản lý hành chính nhà nước; tách bạch rõ ràng thực hiện quyền chủ sở hữu với quyền chủ động kinh doanh của doanh nghiệp, tôn trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh của doanh nghiệp.

Nghị quyết cũng đề cập đến việc đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Có giải pháp xử lý sớm, kiên quyết, dứt điểm các tổng công ty, công ty nhà nước hoạt động không hiệu quả, thua lỗ kéo dài nhiều năm, không có khả năng phục hồi. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan, toàn diện hơn cả mặt tốt, mặt chưa tốt mô hình tập đoàn, tổng công ty nhà nước, trên cơ sở đó điều chỉnh để các mô hình này ngày càng phù hợp hơn. Cần đặc biệt chú trọng việc chọn lựa nhân sự quản lý của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước theo những tiêu chuẩn được xác định. Quy định rõ về tiêu chuẩn, quyền hạn, trách nhiệm, lợi ích và cơ chế tài xử lý rõ ràng, nghiêm minh; có cơ chế thưởng phạt cụ thể gắn với trách nhiệm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị đối với thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác. Hoàn thiện quy chế đánh giá, xếp hạng chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Theo đánh giá của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại

báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước (tính từ năm 2006 đến 31/12/2008). 45,05% tổng số tập đoàn, tổng công ty Nhà nước có hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, chưa phát huy tốt các lợi thế vượt trội từ sự quan tâm đầu tư và ưu đãi nhiều mặt của Nhà nước...

Hiệu quả sử dụng vốn thấp

Kết quả giám sát cho thấy, đánh giá tổng quan, tổng vốn Nhà nước đầu tư vào các tập đoàn, tổng công ty được bảo tồn và phát triển, tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Theo đó, doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty tăng từ 523.169 tỷ đồng cuối năm 2006 lên 866.622 tỷ đồng cuối năm 2008. Lợi nhuận sau thuế tăng từ 60.804 tỷ đồng lên 69.311 tỷ đồng. Riêng 8 tập đoàn kinh tế có lợi nhuận sau thuế đến 31/12/2008 là 44.153 tỷ đồng, chiếm 63,7% tổng lợi nhuận sau thuế của các tập đoàn, tổng công ty đặc biệt.

Phân tích cụ thể hơn cho thấy, có 35/91 đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên 15%, 18/91 đơn vị dưới 5% và có 3 đơn vị thua lỗ. Có đến 45,5% các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước hoạt động hiệu quả thấp (tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu dưới 10%) làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung của khu

vực kinh tế Nhà nước, Ủy ban đánh giá.

Cũng theo bản báo cáo, nếu phân tích một cách chi tiết, bóc tách và so sánh với các loại hình doanh nghiệp khác như doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước nói chung, tại các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước nói riêng còn thấp. Hiệu quả này chưa tương xứng với quy mô, nguồn lực tài chính của Nhà nước, vị trí và vai trò trong nền kinh tế.

Trong những mặt hạn chế, báo cáo nêu, một số công ty không thực hiện được nhiệm vụ bảo tồn và phát triển vốn chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu bị giảm trong giai đoạn 2006 - 2008. Thậm chí một số tổng công ty thất thoát toàn bộ vốn chủ sở hữu. Như Tổng công ty Xây dựng đường thủy, vốn chủ sở hữu năm 2008 là -464 tỷ đồng, Tổng công ty Dầu tầm tơ Việt Nam là -9 tỷ 928 triệu đồng.

Cuốn theo "bong bóng thị trường"Liên quan đến đầu tư vào ngân hàng, chứng khoán... của các tập đoàn, vấn đề được nhiều đại biểu lo ngại, kết quả giám sát cho biết có 47 tập đoàn, tổng công ty đầu tư vào lĩnh vực tài chính với 21.164 tỷ đồng.

Trong đó, có 34 tập đoàn, tổng công ty đầu tư 2.039 tỷ đồng vào chứng khoán.

Ủy ban Thường vụ đánh giá, hiệu suất đầu tư tính gộp chung của cả 47 đơn vị nhìn



chung thấp hơn so với đầu tư vào ngành kinh doanh chính của các đơn vị này, năm 2008 là 4,78%.

Nhiều đơn vị đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng vào chứng khoán và góp vốn vào quỹ đầu tư nhưng không phát sinh lợi nhuận như Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam...

Kết quả giám sát cũng chỉ ra một số tập đoàn, tổng công ty đầu tư số tiền lớn vào lĩnh vực tài chính trong khi đang thiếu nguồn lực để đầu tư phát triển các dự án quan trọng của Nhà nước. Điển hình năm 2008, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã đầu tư vào lĩnh vực tài chính khoảng 2.146 tỷ đồng. Trong khi tập đoàn này báo cáo còn thiếu 382.884 tỷ đồng để đảm bảo kế hoạch đầu tư xây dựng nguồn điện và lưới điện từ nay đến hết 2015.

Không ít trường hợp đầu tư vào lĩnh vực tài chính đã bị thua lỗ, thất thoát vốn Nhà nước, báo cáo nêu rõ.

Tại báo cáo này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng chỉ ra hiệu quả sử dụng tài sản là đất đai của các tập đoàn, tổng công ty hiện nay chưa cao. Theo báo cáo của 88 tập đoàn, tổng công ty quỹ đất đang được giao, thuê và đang trực tiếp, sử dụng lên đến 365.818ha.

Tuy nhiên, kết quả giám sát tại hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh đã phát hiện đến hàng triệu mét vuông đất dự án chưa sử dụng hoặc triển khai chậm.

### Giảm tối đa độc quyền

Qua giám sát, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhấn mạnh một số kiến nghị, trong đó có chấn chỉnh hoạt động đầu tư tràn lan ở một số đơn vị. Nhất là việc sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào những lĩnh vực rủi ro khi không có bộ máy, nhân lực thích hợp, gây thất thoát vốn hoặc sử dụng không hiệu quả của một số tập đoàn, tổng công ty.

"Vốn Nhà nước phải được ưu tiên tập trung đầu tư thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao", báo cáo nêu rõ. Theo Ủy ban, cần xây dựng những quy định cụ thể và điều kiện để các tập đoàn, tổng công ty được phép đầu tư ra ngoài ngành sản xuất, kinh doanh chính.

Một kiến nghị nữa là hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và mô hình hoạt động của tập đoàn kinh tế, xây dựng thị trường kinh doanh lành mạnh theo nguyên tắc trước mắt giảm tối đa tính độc quyền của tập đoàn, tổng công ty. Theo đó, Nhà nước chỉ giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối đối với một số ít tập đoàn, tổng công ty Nhà nước hoạt động trong những ngành, lĩnh vực then chốt.

Liên quan đến rà soát, đánh giá hoạt động của tập đoàn, tổng công ty, Ủy ban kiến nghị kiên quyết xử lý sớm, dứt điểm các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, thua lỗ kéo dài, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân,

không để vốn đầu tư của Nhà nước tiếp tục bị thất thoát.

Đối với những tập đoàn, tổng công ty có vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang gặp khó khăn về tài chính, cũng cần làm rõ trách nhiệm của ban quản lý tập đoàn. Mặt khác cần cơ cấu lại để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ được giao.

Đánh giá về vị trí và vai trò của tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong nền kinh tế, Báo cáo giám sát nhận định: "Đa số các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã kinh doanh có lãi; các chỉ tiêu nhìn chung đều tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước, nhưng mức độ thì khác nhau, nhưng nhìn tổng thể, vai trò của tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong thời gian qua là hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước". Về quy mô vốn, nhìn chung, quy mô vốn chủ sở hữu của hầu hết các tập đoàn, tổng công ty được bảo toàn và không ngừng tăng trong những năm qua. Đến cuối năm 2008 quy mô vốn tại các tập đoàn, tổng công ty đạt 485.600 tỷ đồng với tốc độ tăng vốn chủ sở hữu tính chung trong ba năm 2006 - 2008 ở mức khá cao 46,5%. Xét tổng thể, mặc dù tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn của các tập đoàn, tổng công ty có xu hướng giảm dần, nhưng có thể đánh giá quy mô vốn nhà nước đã đầu tư vào các tập đoàn, tổng công ty là khá lớn, tạo điều kiện để các tập đoàn, tổng công ty mở



rộng hoạt động. Đến cuối năm 2006 chỉ có 4 tập đoàn có quy mô vốn chủ sở hữu trên 10.000 tỷ đồng, thì đến cuối năm 2007 đã có 6 tập đoàn, tổng công ty có quy mô vốn chủ sở hữu trên 10.000 tỷ đồng và đến cuối năm 2008 có 7 tập đoàn, tổng công ty có quy mô vốn chủ sở hữu trên 10.000 tỷ đồng. Đối với hệ số an toàn vốn, theo số liệu tổng hợp trong 3 năm 2006 - 2008, tỉ lệ tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty trong từng năm về cơ bản thấp hơn 3 lần. Trong năm 2006 hệ số này là 1,35 lần, năm 2007 là 1,4 lần và năm 2008 là 1,47 lần. Doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty tăng từ 523.200 tỷ đồng cuối năm 2006 lên đến 866.600 tỷ đồng cuối năm 2008 tăng 65,6%. Lợi nhuận sau thuế tăng từ 60.804 tỷ đồng cuối năm 2006 lên đến 69.300 tỷ đồng cuối năm 2008 tăng 13,9%. Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), báo cáo nêu rõ tính đến 31/12/2008, SCIC đã tiếp nhận vốn nhà nước tại 892 doanh nghiệp, giá trị sổ sách phần vốn nhà nước là 6.925 tỷ đồng (chưa tính Vietcombank), giá trị thị trường hiện nay là khoảng 25.000 tỷ đồng tăng gần 4 lần. Đa số các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn điều lệ bình quân dưới 10 tỷ đồng (khoảng 87% doanh nghiệp đã nhận bàn giao vốn), chỉ có khoảng 1,5% số doanh nghiệp có vốn trên 100 tỷ đồng. Doanh thu của SCIC năm 2006 là 144 tỷ

đồng, năm 2007 là 1.272 tỷ đồng, năm 2008 là 2.204 tỷ đồng với lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2006 là 119 tỷ đồng, năm 2007 là 1.150 tỷ đồng, năm 2008 là 1.301 tỷ đồng. Các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn trên 100 tỷ đồng đa số kinh doanh có hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 12%. Các doanh nghiệp còn lại hiệu quả chưa cao (45% doanh nghiệp hoạt động có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn 10% và gần 7% doanh nghiệp đang thua lỗ). Qua giám sát, Ủy ban Thường vụ Quốc hội kiến nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào kinh doanh để quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về vốn và tài sản tại tập đoàn, tổng công ty trên cơ sở hoàn thiện cơ chế phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo nguyên tắc phải có một đầu mối chịu trách nhiệm chính theo dõi việc sử dụng vốn, tài sản nhà nước và phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tập đoàn, tổng công ty đặc biệt. Thực hiện triệt để hơn tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng thực hiện các quyền chủ sở hữu; tách biệt thực hiện quyền chủ

sở hữu đối với quyền chủ động kinh doanh của doanh nghiệp... Minh bạch trong quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước. Thảo luận về nội dung này, đại biểu Mã Điền Cư (Quảng Ngãi) khẳng định mô hình Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước là minh chứng cụ thể cho bước đổi mới căn bản trong phương thức quản lý doanh nghiệp của Việt Nam. Đó là cách quản lý hành chính và quản lý kinh doanh nhà nước không còn can thiệp trực tiếp vào hoạt động của doanh nghiệp mà thông qua người đại diện tham gia quản trị doanh nghiệp theo đúng Luật Doanh nghiệp và quy tắc thị trường. Đại biểu đã nêu bật những lợi thế mà các tập đoàn, tổng công ty đang được hưởng đó là được khai thác độc quyền nguồn tài nguyên của đất nước (xăng, dầu, điện, than...) và khẳng định từ đặc quyền này dẫn đến độc quyền trong hàng hóa dịch vụ như giá bán điện, xăng dầu đều do các tập đoàn, tổng công ty phân phối. Cùng với đó các tập đoàn, tổng công ty được đặc quyền về vốn, được Nhà nước rót vốn và hỗ trợ tối đa. Tuy nhiên đại biểu nêu thực trạng các tập đoàn, tổng công ty có số vốn thực rất ít, phần lớn là vốn vay ngân hàng trong đó sử dụng đầu tư tràn lan vào những ngành nghề khác. Trong khi đó tỷ lệ lợi nhuận bình quân hằng năm của các tập đoàn, tổng công ty lại không được công khai minh bạch nên khó biết chính xác hiệu quả thực của việc sử dụng vốn nhà

(Xem tiếp trang 28)



biệt là hệ thống phương tiện thông tin, thư viện đủ hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Cán bộ làm công tác quản lý sinh viên cần có đủ nhiệt tình, trách nhiệm và tình thương “coi sinh viên như người thân trong gia đình” để chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ họ trong học tập và sinh hoạt. Môi trường học tập và sinh hoạt trong mái trường đại học phải có sự nhân ái, chan hoà, đậm tình người - đó là môi trường giáo dục văn minh, tiên tiến.

Sinh viên là đối tượng rất nhạy cảm, nên môi trường giáo dục cần công bằng để họ nhận thấy phải tự giác rèn luyện phấn đấu vươn lên “tự đi và đứng vững bằng chính đôi chân mình” chứ không thể dựa dẫm, trông chờ ỉ lại. Mọi quy chế, quy định của Bộ, Ngành, nhà trường phải phổ biến kịp thời để sinh viên nắm bắt và

thực thi “sống, học tập và làm việc theo pháp luật”. Việc giáo dục, uốn nắn hành vi cũng như xử lý vi phạm của sinh viên phải công bằng trên cơ sở quy chế, quy định nhằm tạo ý thức, thói quen sống đúng chuẩn mực cho mỗi người.

+ Môi trường công bằng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên: Kết quả học tập là tiêu thức đánh giá toàn diện và tổng quát nhất, là mục tiêu phấn đấu cơ bản nhất của sinh viên. Trường đại học cần xây dựng, thực thi cơ chế đánh giá công bằng kết quả học tập của sinh viên nhằm đánh giá đúng năng lực tư duy, ý thức phấn đấu của mỗi cá nhân. Phương pháp kiểm tra trên lớp (thường xuyên và định kỳ), phương pháp coi thi, chấm thi phải phù hợp nhằm tạo công bằng cho mọi sinh viên. Điều này đòi hỏi trách nhiệm của các cấp quản

lý, của cán bộ coi thi, chấm thi sao cho công bằng, bình đẳng nhằm đánh giá chính xác kết quả của sinh viên. Mọi sự bất công bằng dù vô tình hay hữu ý đều gây tác động xấu đến việc hình thành nhân cách, lối sống, làm lệch lạc động cơ học tập phấn đấu vươn lên của sinh viên tạo nên môi trường giáo dục thiếu lành mạnh, bởi vậy các cấp lãnh đạo và quản lý trong trường đại học cần đặc biệt lưu tâm.

Vậy, môi trường công bằng đối với thầy và trò trong trường đại học có tác động nhân quả trong tạo động lực để nâng cao chất lượng đào tạo, bởi chỉ khi thầy có động lực mới làm cho “cổ máy cái” vận hành có hiệu quả, và khi trò có động lực mới phát huy được trí tuệ để tạo ra năng lực nội sinh để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo trong hiện thực.

## Nâng cao hiệu quả sử dụng...

(Tiếp theo trang 50)

nước tại các tập đoàn, tổng công ty. Nhiều ý kiến của đại biểu cho rằng cần xem xét lại việc các tập đoàn, tổng công ty đầu tư, kinh doanh vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Để tránh tình trạng đa dạng hóa ngành nghề một cách tràn lan trong các tập đoàn, tổng công ty, đại biểu Mã Điều Cư đề nghị mỗi một doanh nghiệp phải có 1 lĩnh vực kinh doanh chuyên sâu trước khi mở rộng qua ngành nghề khác; lĩnh vực mở rộng phải có liên hệ với ngành sản xuất, kinh doanh chính. Đại biểu Nguyễn Thị Hồng Hà (Hà Nội) đề nghị báo cáo

kết quả giám sát cần bổ sung những đánh giá về ảnh hưởng và những tác động của các mô hình doanh nghiệp đối với việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước để từ đó Chính phủ có hướng điều chỉnh mô hình này hiệu quả hơn. Về hoạt động của SCIC, đại biểu Hồng Hà khẳng định đây chính là nhân tố thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Tuy nhiên cơ chế hoạt động của SCIC còn nhiều bất cập, đó là sau khi chuyển đổi hình thức thì các công ty nhà nước sẽ chuyển phần vốn góp của nhà nước cho SCIC quản lý và đại

diện. Như vậy đối với các tổng công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh thành lập sẽ không còn trách nhiệm quản lý vốn và nhân sự của các doanh nghiệp này, phát sinh khó khăn trong quản lý, sử dụng tài sản tại địa phương. Cũng về hoạt động của SCIC, đại biểu Trần Du Lịch đề nghị nên nghĩ tới việc tổ chức một số công ty kinh doanh vốn, không nên để một công ty làm việc này. Đại biểu đề nghị Chính phủ tổ chức xem xét lại xem còn bao nhiêu tập đoàn, công ty kinh doanh vốn, kéo dài tình trạng tràn lan như hiện nay là không ổn./: